

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật về cấp phép, quản lý khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Sở Tài nguyên và Môi trường; việc chấp hành pháp luật trong khai thác khoáng sản và nghĩa vụ tài chính tại 05 doanh nghiệp.

Căn cứ Luật Thanh tra năm ngày 15/10/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra được thành lập theo Quyết định số 14/QĐ-TTT ngày 17/01/2020 của Chánh Thanh tra tỉnh, các Báo cáo giải trình của Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

1. Khái quát về tình hình chung:

Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo, quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở. Tại thời điểm thanh tra, cơ cấu tổ chức của Sở¹ gồm có Văn phòng; Thanh tra sở; Phòng Quản lý đất đai; Phòng Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý; Phòng Khoáng sản; Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu; Phòng Biển và Hải đảo; Chi cục Bảo vệ Môi trường) và 03 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai). Tổng biên chế công chức được giao: 61 chỉ tiêu, đã thực hiện 57 (đến 31/12/2019, còn 53 người, trong đó nghỉ chế độ: 03, chuyển công tác 01).

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, chỉnh trang đô thị tiếp tục được quan tâm thúc đẩy, dẫn đến nhu cầu thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và nhu cầu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phát sinh nhiều để đáp ứng tiến độ các dự án lớn, trong khi điều kiện chính sách pháp luật về đất đai, khoáng sản còn có phức tạp, khó nhận thức đúng và đầy đủ, cùng với hậu quả của tồn tại hạn chế trong quản lý đất đai do

¹ Theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND

lịch sử để lại. Công tác thực thi pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường trên địa bàn cũng còn nhiều bất cập, ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp chưa cao, việc thi hành công vụ của công chức các cấp còn có sai sót,... Tình hình đó tác động đến tình hình phát sinh khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị, phản ánh; thách thức đặt ra trong quản lý nhà nước về khoáng sản, đất đai, môi trường là rất lớn. Mặc dù Sở và các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã có nhiều cố gắng, đã giải quyết được khối lượng lớn công việc, góp phần chung vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà nhưng vẫn còn có tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoáng sản và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Sở.

2. Về kết quả triển khai thực hiện các nội dung được thanh tra

Qua thanh tra chọn mẫu 12²/40 hồ sơ được cấp phép trong thời điểm thanh tra (2018 - đến 30/4/2020), thanh tra trên hồ sơ và hiện trường tại 05 doanh nghiệp³ và 28 giấy phép hết thời gian khai thác đóng cửa mỏ; thanh tra công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Sở, Chi Cục Bảo vệ Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh từ năm 2019 đến ngày 30/4/2020 (*riêng về khoáng sản là đất sét theo báo cáo của Sở trong thời điểm thanh tra không cấp phép khai thác loại khoáng sản này*) cho thấy:

a) Về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản:

Trong 02 năm (2018 - 2019) Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 35 văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan trình UBND tỉnh ban hành nhiều quyết định⁴ để hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước

² Có 06 mỏ đất sét đồi làm vật liệu san lấp gồm: Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ tại giấy phép số 56/GP-UBND ngày 03/8/2018, Công ty TNHH TMVT Hân Nga tại giấy phép số 22/GP-UBND ngày 26/3/2018, Công ty CP Đầu tư 706 tại Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 22/1/2018, Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Việt Đức tại giấy phép số 41/GP-UBND ngày 27/9/2019, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh tại giấy phép số 30/GP-UBND ngày 11/6/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trần Gia Hân tại Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 18/7/2019. Có 06 mỏ cát gồm: Công ty TNHH TM VT Hân Nga tại Giấy phép số 40/GP-UBND ngày 15/6/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú An Lộc tại Giấy phép số 43/GP-UBND ngày 21/6/2018, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Quang Đất Việt tại Giấy phép số 52/GP-UBND ngày 27/7/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa tại Giấy phép số 61/GP-UBND ngày 19/9/2018, Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh tại Giấy phép khai thác số 06/GP-UBND ngày 28/01/2019, Công ty CP Phương Hồng tại Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 19/3/2018.

³ Công ty TNHH MTV Xây lắp An Lộc Phát tại Giấy phép số 72/GP-UBND ngày 15/11/2017, Công ty CP Đầu tư BĐS Nam Khang Miền Trung tại Giấy phép số 68/GP-UBND ngày 02/11/2018, Công ty TNHH MTV Phú Gia Thịnh tại Giấy phép số 18/GP-UBND ngày 15/3/2018, Công ty CP Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung tại Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 09/7/2018, Công ty CP Phát triển Hạ tầng Lũng Lô 251 tại Giấy phép số 10/GP-UBND ngày 06/3/2019.

⁴ Điển hình là: Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 Ban hành hệ số qui đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai, tỷ trọng khoáng sản thành phẩm, khoáng sản nguyên khai đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 87/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 về việc bãi bỏ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 16/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Phương án chung đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 về việc bãi bỏ Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 về việc phê duyệt, công bố Hồ sơ Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 về việc sửa đổi hệ số qui đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai qui định tại số thứ tự 1 Mục I Phụ lục 1

về quản lý, bảo vệ, khai thác khoáng sản. Đã giải quyết kịp thời các hồ sơ xin cấp phép khai thác khoáng sản; chủ trì tính toán, điều chỉnh, thẩm định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh theo quy định. Công tác quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quan tâm thực hiện... góp phần chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, kịp thời tháo gỡ khó khăn và tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp tham gia hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

b) Về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến khai thác mỏ:

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản⁵ và tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường⁶ của 39 điểm mỏ (1 mỏ gia hạn giấy phép) đã được thu nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước; nộp ngân sách nhà nước kịp thời lệ phí cấp phép, phí thẩm định đánh giá trữ lượng đảm bảo theo quy định. Việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước qua thanh tra không phát sinh vì các mỏ do Chủ đầu tư tự bỏ kinh phí thăm dò địa chất, đánh giá trữ lượng; các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã tự nguyện thực hiện các quy định về quyền lợi của địa phương và với người dân nơi có khoáng sản được khai thác. Sở đã tiến hành đấu giá thành công 09/15 mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo quy định pháp luật.

c) Việc thực hiện công tác tiếp dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị:

Sở đã thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền phần lớn kịp thời, chấp hành chế độ báo cáo về công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định; kết quả giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền đạt tỉ lệ cao, không để tồn đọng.

Sở đã triển khai thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo⁷; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian qua.

d) Về công tác thanh tra, kiểm tra khoáng sản

ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản là đất đồi dùng làm vật liệu san lấp, phục vụ thi công xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030...

⁵ Tổng số 62.241.685.843 đồng.

⁶ Tổng số 10.614.450.210 đồng.

⁷ Kế hoạch số 270/KH-BCS ngày 16/10/2014 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thực hiện Chương trình số 52-CTr/TU ngày 16/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 26/CT/TU ngày 01/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu lực, hiệu quả

Hàng năm Sở đã quan tâm phê duyệt số cuộc thanh tra, kiểm tra tăng lên về số lượng theo kế hoạch; số lượng kiểm tra đột xuất và xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân năm sau nhiều hơn năm trước, tỉ lệ chấp hành quyết định xử phạt cao; tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành.

II. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA

1. Công tác cấp phép, quản lý khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đất san lấp)

1.1 Về trình tự thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản:

Từ năm 2018 đến thời điểm thanh tra, Sở đã tiếp nhận, thẩm định và trình UBND tỉnh cấp 40 Giấy phép khai thác khoáng sản (trong đó có 01 giấy phép được gia hạn). Qua thanh tra 17/40 hồ sơ cấp phép⁸ cho thấy còn có một số tồn tại, sai sót như sau:

- Có 02 Giấy phép khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp được cấp khi doanh nghiệp không có ngành nghề đăng ký kinh doanh này là không đúng Điều 51 Luật Khoáng sản⁹. Đến thời điểm thanh tra 02 doanh nghiệp trên đã bổ sung đăng ký ngành nghề.

- Có 16/17 Doanh nghiệp thành lập trên một năm nhưng trong hồ sơ xin cấp phép không có văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu là không đúng khoản 1, Điều 59 Luật Khoáng sản và Điều 9 và khoản 1, Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (*trừ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung có Báo cáo tài chính năm 2017 trong hồ sơ*).

- Có 17/17 hồ sơ xin cấp phép khai thác khoáng sản, Sở chưa thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mà căn cứ trên kết quả kiểm tra tọa độ, kiểm tra thực địa diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trước đó để thẩm định và trình cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

1.2 Về thủ tục đóng cửa mỏ:

Qua thanh tra cho thấy có 14 mỏ¹⁰ đã quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày Giấy phép chấm dứt hiệu lực mà chủ đầu tư chưa nộp đề án đóng cửa mỏ cho

⁸ trong đó: 12 giấy phép kiểm tra ngẫu nhiên trên hồ sơ và 05 giấy phép kiểm tra tại 05 doanh nghiệp

⁹ Công ty Cổ phần Đầu tư 706 tại Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 22/01/2018, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh tại Giấy phép số 30/GP-UBND ngày 11/6/2019.

¹⁰ Năm 2018: Giấy phép số 41/GP-UBND ngày 11/9/2015 cấp cho Công ty TNHH XL và TM Xuân Phát. Năm 2019: Giấy phép số 54/GP-UBND ngày 02/8/2017 cấp cho Công ty CP Phát triển bất động sản Phát Đạt, Giấy phép số 66/GP-UBND ngày 24/10/2017 cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Mỹ Á, Giấy phép số 46/GP-UBND ngày 15/7/2016 cấp cho Công ty TNHH XL và TM Thành Phát, Giấy phép số 57/GP-UBND ngày 9/8/2016 cấp cho Công ty TNHH ĐT&XD BK Sơn Hà, Giấy phép số 63/GP-UBND ngày 13/9/2016 cấp cho Công ty TNHH Lộc Thịnh, Giấy phép gia hạn số 42/GP-UBND ngày 21/6/2018 cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Bảo Châu, Giấy phép số 26/GP-UBND ngày 28/4/2017 cấp cho Công ty TNHH Phước Thịnh, Giấy phép số 45/GP-UBND ngày 17/7/2017 cấp cho Công ty TNHH Minh Mẫn, Giấy phép số 62/GP-UBND ngày 22/9/2017 cấp cho Công ty TNHH MTV Thạch An, Giấy phép số 77/GP-UBND ngày 30/11/2017 cấp cho Công ty TNHH Bách Bằng, Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 04/01/2018 cấp cho Công ty TNHH Sản xuất XD và

Sở; có 08 mỏ¹¹ chậm nộp đề án đóng cửa mỏ là không đúng theo quy định tại khoản 3, 4, Điều 58 Luật Khoáng sản.

1.3 Về thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

Sở đã tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi 04 Giấy phép khai thác khoáng sản¹² do đã khai thác hết trữ lượng xác định trong dự án đầu tư, thiết kế mỏ và giấy phép. Qua kiểm tra thời điểm khai thác hết trữ lượng đều trước ngày hết hạn khai thác trong giấy phép đã cấp, điều đó cho thấy 04 đơn vị trên đã khai thác vượt công suất được phép, là hành vi vi phạm quy định tại Điều 40 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ, nhưng Sở không phát hiện kịp thời để xử lý vi phạm hành chính.

1.4 Về chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản:

Công ty TNHH MTV Khánh Ly được Sở tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 11/5/2018, đã hoàn thành xong công tác xây dựng cơ bản mỏ, đưa mỏ vào khai thác và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, sau đó đã chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Phú An Lộc và đơn vị nhận chuyển nhượng đã được cấp lại Giấy phép mới số 43/GP-UBND ngày 21/6/2018. Tuy nhiên, Sở chậm thực hiện ký lại hợp đồng thuê đất với đơn vị mới là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoáng sản.

1.5 Về khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đất đồi dùng làm vật liệu san lấp) thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo khoản 1 Điều 78 Luật Khoáng sản:

Có 08¹³ doanh nghiệp được Sở tham mưu trình UBND tỉnh cấp 08 giấy phép trong các năm 2017 - 2019 theo hình thức chỉ định mà không thông qua

TM Việt Nhật, Giấy phép số 14/GP-UBND ngày 13/3/2018 cấp cho Công ty TNHH MTV VT Thiên Phước, Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 19/3/2018 cấp cho Công ty CP Phương Hồng.

¹¹ **Năm 2018:** Giấy phép số 79/GP-UBND ngày 30/11/2017 cấp cho Công ty TNHH Bách Bằng, **Năm 2019:** Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 25/3/2016 cấp cho DNTN Quảng Thành, Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 7/4/2016 cấp cho Công ty TNHH Phước Lộc, Giấy phép số 25/GP-UBND ngày 15/4/2016 cấp cho Công ty TNHH VISIP Quảng Ngãi, Giấy phép số 26/GP-UBND ngày 15/4/2016 cấp cho Công ty TNHH VISIP Quảng Ngãi, Giấy phép gia hạn số 50/GP-UBND ngày 17/7/2018 cấp cho Công ty TNHH Trung Nam Phong, Giấy phép gia hạn số 64/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 cấp cho Công ty TNHH M TV Chiêu Kỳ, Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 18/10/2016 cấp cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Phú Gia Thịnh.

¹² Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh, Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng Lũng Lô 251, Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt, Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Mỹ Á

¹³ Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ tại giấy phép số 56/GP-UBND ngày 03/8/2018 phục vụ Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường và Khu dân cư Hải Nam...; Công ty TNHH TM VT Hân Nga tại giấy phép số 22/GP-UBND ngày 26/3/2018 phục vụ các Khu tái định cư, khu dân cư của Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh; Công ty CP Đầu tư 706 tại Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 22/1/2018 phục vụ dự án Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho Dự án xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, Thành phố Quảng Ngãi; Công ty TNHH MTV Xây lắp An Lộc Phát tại Giấy phép số 72/GP-UBND ngày 15/11/2017 phục vụ dự án Khu dân cư Bàu sen và chỉnh trang đô thị xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ...; Công ty CP Đầu tư BĐS Nam Khang Miền Trung tại Giấy phép số 68/GP-UBND ngày 02/11/2018 phục vụ Dự án Khu dân cư và dịch vụ Thị Phổ, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Việt Đức, giấy phép số 41/GP-UBND ngày 27/9/2019 phục vụ Dự án chợ Nghĩa Đông, xã Nghĩa Đông, Dự án khu đô thị chợ mới Hàng Rượu, phường Trương Quang Trọng; Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh, giấy phép số 30/GP-UBND ngày 11/6/2019 phục vụ Khu dân cư Đồng Dinh, huyện Nghĩa Hành; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương

đầu giá quyền khai thác khoáng sản trong khi 08 doanh nghiệp trên không đảm bảo đúng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

Qua thanh tra cho thấy Sở còn chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch đầu giá quyền khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ. Ngoài ra, việc Sở lồng ghép cho thuê đất trong giấy phép khai thác khoáng sản là không có trong quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật về đất đai. Việc này có nguyên nhân khách quan là: do có vướng mắc, bất cập giữa quy định pháp luật về khoáng sản với các quy định pháp luật về đất đai¹⁴; do thực tiễn đất đồi làm vật liệu san lấp được cấp gắn với từng công trình dự án cụ thể khi có nhu cầu, việc chủ động đầu giá trước là rất khó tổ chức thực hiện.

1.6 Về việc khoanh định khu vực không đầu giá các mỏ cát và cấp phép khai thác không qua đầu giá:

- Sở tham mưu UBND tỉnh cấp 05 giấy phép¹⁵ khai thác cát theo hình thức chỉ định khai thác tuy về điều kiện là phù hợp với điểm đ, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 nhưng do chưa tham mưu UBND tỉnh khoanh định khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản đối với cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh mà đã cấp phép chỉ định là không đúng với quy định tại khoản 2, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung theo Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 09/7/2018 khai thác cát san lấp phục vụ thi công Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (công trình này không đủ điều kiện theo điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016), nhưng được cấp phép không qua đầu giá quyền khai thác là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Khoáng sản.

1.7 Sở chưa thực hiện công tác thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thuế đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1.8 Đối với tiền đặt trước cấp quyền khai thác, qua thanh tra cho thấy có 07 Công ty¹⁶ đã nộp 1.315.950.000 đồng tiền đặt trước tiền cấp quyền khai thác

mại Trần Gia Hân, giấy phép số 33/GP-UBND ngày 18/7/2019 phục vụ Khu đô thị mới Nghĩa Hà, Khu dân cư lõm kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây đường Phan Đình Phùng và phía đông đường Lê Quý Đôn.

¹⁴ Theo điểm đ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 thì dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không thuộc trường hợp nhà nước phải thu hồi đất, trong khi diện tích đất tại các mỏ khoáng sản này đều có chủ sử dụng đất hợp pháp, nay nhà nước không thu hồi đất mà đưa ra đầu giá trên quyền sử dụng đất của người khác chưa được thu hồi là không khả thi, trường hợp chủ sử dụng đất phản ứng không cho khai thác thì doanh nghiệp trúng đầu giá không khai thác được theo giấy phép trong khi Nhà nước cũng không thể can thiệp được.

¹⁵ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa, Công ty TNHH Thương mại vận tải Hân Nga, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Lũng Lô 251 (02 giấy phép) và Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh.

¹⁶ Công ty Cổ phần Phương Hồng 70.200.000 đồng; Công ty THHH MTV Xây dựng và Thương mại Quang Đạt Việt 188.100.000 đồng; Công ty THHH MTV Phú Gia Thịnh 147.000.000 đồng; Công ty CP Sản xuất TM&DV

khoáng sản năm 2018 vào tài khoản tiền gửi của Sở tại Kho bạc nhà nước tỉnh để tham gia đấu giá. Sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND tỉnh và Thông báo nộp tiền của cơ quan Thuế, Sở đã chậm xử lý chuyển số tiền trên vào tài khoản cơ quan quản lý thu (thời gian chậm ít nhất là 157 ngày¹⁷, nhiều nhất là 320 ngày¹⁸).

2. Việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp được cấp phép trong quá trình khai thác khoáng sản:

2.1 Qua thanh tra trên hồ sơ của 17 doanh nghiệp tại Sở (bao gồm cả 05 doanh nghiệp thanh tra trực tiếp) cho thấy còn có các sai sót, vi phạm sau:

- Có 08¹⁹ Giấy phép khai thác khoáng sản ký hợp đồng thuê đất chậm không đúng với quy định tại khoản 1, Điều 31 Luật Khoáng sản và khoản 5 khoản 7 Điều 2 Luật Khoáng sản.

- Có 03²⁰ doanh nghiệp trước khi tiến hành khai thác chưa gửi văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác đến Sở là không đúng quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 55 Luật Khoáng sản.

- Nhiều doanh nghiệp chưa tuân thủ quy định về tiêu chuẩn Giám đốc điều hành mỏ tại Điều 62 Luật khoáng sản và Điều 8 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (gồm có 04²¹ không thông báo về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của giám đốc điều hành mỏ cho Sở; có 10²² doanh nghiệp bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ không đủ tiêu chuẩn; có 04 mỏ khai thác

Đại Nguyên 250.350.000 đồng; Công ty TNHH MTV Vận Tải Thiên Phước 37.950.000 đồng; Công ty TNHH MTV Khánh Ly 161.550.000 đồng; Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hợp Nghĩa 460.800.000 đồng.

¹⁷ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hợp Nghĩa.

¹⁸ Công ty Cổ phần Phương Hồng, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Quang Đất Việt, Công ty TNHH MTV Phú Gia Thịnh.

¹⁹ Công ty TNHH TM VT Hân Nga tại giấy phép số 22/GP-UBND ngày 26/3/2018 chậm 42 ngày (ngày XDCB mỏ 30/4/2018, ngày ký 11/6/2018) và Giấy phép số 40/GP-UBND ngày 15/6/2018 chậm 30 ngày (ngày XDCB mỏ 15/6/2018, ngày ký hợp đồng 17/7/2018); Công ty CP Đầu tư 706 tại Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 22/1/2018 chậm 14 ngày (ngày XDCB mỏ 16/3/2018, ngày ký hợp đồng 30/3/2018); Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa tại Giấy phép số 61/GP-UBND ngày 19/9/2018 chậm 321 (ngày XDCB mỏ 20/9/2018, ngày ký hợp đồng 07/8/2019); Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh tại Giấy phép số 06/GP-UBND ngày 28/01/2019 chậm gần 357 (ngày XDCB mỏ 22/02/2019, ngày ký hợp đồng 14/02/2020; Công ty TNHH TM Xây lắp An Lộc Phát tại Giấy phép số 72/GP-UBND ngày 15/11/2017 chậm 134 ngày (ngày bàn giao đất 19/12/2017, ngày ký hợp đồng 02/5/2018); Công ty CP Đầu tư BĐS Nam Khang Miền Trung tại Giấy phép số 68/GP-UBND ngày 02/11/2018 chậm 23 ngày (ngày khai thác 07/11/2018, ngày ký hợp đồng 30/11/2018); Công ty CP Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung tại Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 09/7/2018 chậm 41 ngày (ngày khai thác 18/7/2018, ngày ký hợp đồng 28/8/2018).

²⁰ Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh tại Giấy phép số 30/GP-UBND ngày 11/6/2019, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Quang Đất Việt tại Giấy phép số 52/GP-UBND ngày 27/7/2018, Công ty Cổ phần Phương Hồng tại Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 19/3/2018).

²¹ Công ty: TNHH MTV Chiêu Kỳ, Cổ phần Đầu tư 706, TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh, TNHH Xây dựng Đồng Khánh.

²² Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ, Công ty TNHH TM VT Hân Nga tại giấy phép số 22/GP-UBND ngày 26/3/2018 và tại Giấy phép số 40/GP-UBND ngày 15/6/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư 706, Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Việt Đức, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh, Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh, Công ty TNHH Một thành viên xây lắp An Lộc Phát, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung, Công ty TNHH Một thành viên xây dựng Phú Gia Thịnh.

khoáng sản tại cùng thời điểm Giám đốc điều hành mỏ được bổ nhiệm để điều hành hoạt động từ hai giấy phép khai thác khác nhau²³).

- Toàn bộ 17/17 mỏ đều chưa được doanh nghiệp lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản ra khỏi khu vực khai thác là không đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

- Có 04²⁴ giấy phép quá trình khai thác doanh nghiệp không gửi báo cáo kết quả khai thác khoáng sản và kết quả thống kê, kiểm kê cho Sở theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 55, Điều 63 Luật Khoáng sản, Điều 7 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

- Có 04²⁵ giấy phép các doanh nghiệp không gửi báo cáo kết quả thống kê, kiểm kê kèm theo bản đồ khu vực khai thác có cập nhật hiện trạng cho Sở là không đúng quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giấy phép khai thác đất đòi làm vật liệu san lấp của Công ty TNHH Thương mại vận tải Hân Nga số 22/GP-UBND ngày 26/3/2018 tại mỏ đất Núi Ngang, thôn Hà Trung và Hà Nha xã Tịnh Hà huyện Sơn Tịnh thời hạn khai thác là 03 năm kể từ ngày cấp phép, công suất khai thác 50.000m³/năm, nhưng theo Báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản số 18/BC-HN ngày 31/12/2019 của Công ty gửi cho Sở thể hiện đơn vị đã khai thác hết trữ lượng trước khi giấy phép hết hạn là có hành vi vi phạm tại Điều 40 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017. Đối với mỏ đất này năm 2019 đã được Sở thanh tra và có Kết luận số 3508/KL-STNMT ngày 06/8/2019 phát hiện Công ty TNHH Thương mại vận tải Hân Nga sai phạm tại Mỏ Núi Ngang thiếu 2 mốc M7, M9 và sai phạm mỏ cát Ngân Giang khai thác quá độ sâu từ 1 đến dưới 2m và đã xử phạt vi phạm hành chính 02 hành vi trên tại Quyết định số 419/QĐ - XPVPHC ngày 10/9/2019 với số tiền 12.000.000đ. Tại thời điểm ngày 13/6/2019 thanh tra Sở xác định khối lượng khai thác chỉ là 38.167,3m³ chưa vượt công suất khai thác trong năm 2019 nên không xử lý lỗi này. Như vậy, sai phạm về khai thác vượt công suất đối với mỏ đất Núi Ngang Thôn Hà Trung và Hà Nha chưa được Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, phát hiện, xử lý.

2.2 Kết quả thanh tra trực tiếp tại 5 doanh nghiệp²⁶ khai thác mỏ:

²³ Công ty TNHH TMVT Hân Nga đã bổ nhiệm bà Hồ Thị Mỹ Nga (Giám đốc Công ty) làm Giám đốc điều hành tại 02 Mỏ khai thác tại giấy phép số 22/GP-UBND ngày 26/3/2018 và Giấy phép số 40/GP-UBND ngày 15/6/2018; ông Nguyễn Thông Thái được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành mỏ tại Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 18/7/2019 cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trần Gia Hân và tại Giấy phép số 61/GP-UBND ngày 19/9/2018 được cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa)

²⁴ Công ty Cổ phần Đầu tư 706 tại Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 22/1/2018, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Quang Đất Việt tại Giấy phép số 52/GP-UBND ngày 27/7/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú An Lộc tại Giấy phép số 43/GP-UBND ngày 21/6/2018: không báo cáo kết quả trong năm 2018. Công ty Cổ phần Phương Hồng tại Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 19/3/2018 không có báo cáo kết quả năm 2019.

²⁵ Công ty Cổ phần Phương Hồng tại Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 19/3/2018; Công ty TNHH TM VT Hân Nga tại Giấy phép số 40/GP-UBND ngày 15/6/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú An Lộc tại Giấy phép số 43/GP-UBND ngày 21/6/2018, Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh tại Giấy phép số 06/GP-UBND ngày 28/01/2019, không gửi bản đồ đo vẽ kèm theo Báo cáo kết quả thực hiện trong năm 2019.

²⁶ Công ty TNHH Một thành viên xây lắp An Lộc Phát, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung, Công ty TNHH Một thành viên xây dựng Phú Gia Thịnh, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương

- Có 03 doanh nghiệp²⁷ thống kê sản lượng khai thác thực tế không đúng phương pháp, quy trình, biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có 02 doanh nghiệp²⁸ chưa đo vẽ hiện trạng khu vực mở trước và sau mùa mưa lũ là không đúng yêu cầu tại Công văn số 547/UBND-NNTN ngày 29/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh, vi phạm Điều 63, Luật Khoáng sản năm 2010 và khoản 1, Điều 5 Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung, trong 02 năm (2018-2019) khai thác cát tại mỏ cát xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi nhưng không thực hiện việc giám sát môi trường định kỳ theo kế hoạch bảo vệ môi đã được phê duyệt tại Giấy xác nhận số 1061/GXN-STNMT ngày 16/3/2018 của Sở là có hành vi vi phạm tại khoản 7, Điều 12 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Năm 2019 Thanh tra Sở kiểm tra đột xuất tại mỏ cát xã Tịnh An và đã có Thông báo kết luận số 5347/TB-STNMT ngày 20/11/2019 của Giám đốc Sở, kết luận không có mốc khép góc M5, M6, M7, M8, M9, M10 (6/10 mốc) ngoài khu vực mỏ là không chấp hành đúng quy định tại điều 2 Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh, vi phạm điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ. Tuy nhiên, hành vi sai phạm trên không được xử phạt vi phạm hành chính là không đúng quy định.

- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Lũng Lô 251 trong quý I năm 2020 (là đơn vị thuê phụ) đã khai thác 3.780,6m³ cát theo giấy phép số 10/GP-UBND cấp ngày 06/3/2019 để phục vụ công trình Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc là sử dụng khoáng sản không đúng mục đích, vì công trình này không có trong danh mục các công trình tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 10/GP-UBND cấp ngày 06/3/2019 của UBND tỉnh.

- Có 02 doanh nghiệp²⁹ không có báo cáo kết quả thống kê, kiểm kê cho Sở trong quá trình khai thác là không đúng quy định tại Điều 63 Luật Khoáng sản năm 2010; Điều 4 Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung trong 02 năm khai thác (2018-2019) không cập nhật bản đồ hiện trạng mỏ, bản đồ mặt cắt hiện trạng là không đúng theo quy định tại Điều 63 Luật Khoáng sản năm 2010; khoản 1, Điều 5 Thông tư 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013.

mại Bình Minh Miền Trung, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng 179 (nay là Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Lũng Lô 251).

²⁷ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung, Công ty TNHH Một thành viên xây dựng Phú Gia Thịnh, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung.

²⁸ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Lũng Lô 251

²⁹ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung và Công ty TNHH MTV Xây lắp An Lộc Phát

- Công ty TNHH MTV Xây lắp An Lộc Phát khai thác vượt công suất so với Giấy phép là 33%³⁰ là hành vi vi phạm tại điểm b, khoản 3 Điều 40 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ; chưa ban hành nội quy lao động của mỏ là không đúng quy định tại Điều 57, Luật Khoáng sản năm 2010. Theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019 của Sở cho thấy có Công ty TNHH MTV Xây lắp An Lộc Phát, tuy nhiên sau đó Sở đã điều chỉnh tại Quyết định số 61/QĐ-STNMT ngày 26/02/2019 giảm không thanh tra tại doanh nghiệp này nên sai phạm trên chưa được phát hiện xử lý.

- Tất cả 05 doanh nghiệp đều không lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác là không đúng quy định tại khoản 2, Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; khoản 2, Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có 03 doanh nghiệp khai thác vượt ra ngoài ranh giới và diện tích khu vực được cấp phép, khai thác tại khu vực thuộc phạm vi không được khai thác là không đúng quy định tại Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010, cụ thể:

+ Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp An Lộc Phát (*Mỏ đất*) khai thác vượt ra ngoài ranh giới (*theo bản vẽ mặt bằng, mặt cắt khai thác năm thứ nhất và năm thứ hai*) với tổng diện tích 3.600m², tổng khối lượng 3.960m³.

+ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung (*Mỏ cát*) khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được cấp phép (*theo mặt bằng, mặt cắt của bề mặt khai thác năm thứ nhất*) với tổng diện tích 2.248m², tổng khối lượng 2.248m³.

+ Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Lũng Lô 251 (*Mỏ cát*) khai thác vượt ra ngoài ranh giới và khai thác tại khu vực thuộc phạm vi không được khai thác với tổng diện tích 11.670m², tổng khối lượng 17.505m³ (*Diện tích khai thác vượt ra ngoài ranh giới là 5.770m² với khối lượng 8.655m³; Diện tích khai thác tại khu vực thuộc phạm vi không được khai thác theo bản vẽ mặt bằng, mặt cắt khai thác năm thứ nhất là 5.900m² với khối lượng 8.850m³*).

Công ty này được Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 841/QĐ-ĐCKS ngày 09/10/2019 của Tổng cục địa chất và khoáng sản kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác mỏ cát thôn 6, xã Nghĩa Dũng và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi vào ngày 25/10/2019, kết quả chưa phát hiện sai phạm phải xử lý (kiểm tra trong thời gian tạm đóng mỏ).

- Có 04³¹ doanh nghiệp đã khai thác không đúng trình tự khai thác theo hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền duyệt là không đúng quy định tại Điều 55, Luật Khoáng sản năm 2010.

³⁰ Công suất được phép khai thác 65.000m³/năm nhưng thực tế khai thác năm 2018 là 86.477m³

³¹ Công ty CP Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung, Công ty TNHH MTV xây dựng Phú Gia Thịnh, Công ty CP ĐTPT và Thương mại Bình Minh Miền Trung, Công ty CP phát triển hạ tầng Lũng Lô 251.

- Có 02 doanh nghiệp kê khai thiếu khối lượng khai thác thực tế dẫn đến thiếu thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường, là hành vi vi phạm tại điểm a, khoản 1, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; vi phạm khoản 2, Điều 9 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên, cụ thể:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung (*Mỏ cát*): kê khai còn thiếu $1.063,66\text{m}^3$, theo báo cáo của Công ty khối lượng khai thiếu này tại thời điểm quý III năm 2019.

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung (*mỏ đất san lấp*) năm 2019 khai thiếu khối lượng đất tiêu thụ của Công trình xây dựng trực cảnh quan Khu dân cư và Dịch vụ Thi Phổ, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, với tổng khối lượng 6.928m^3 .

3. Việc chấp hành nghĩa vụ tài chính về khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp đối với 5 điểm mỏ thanh tra trực tiếp:

3.1. Về thuế tài nguyên:

- Công ty TNHH MTV Xây lắp An Lộc Phát kê khai đơn giá để tính thuế tài nguyên không đúng với Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi đối với 12.283m^3 , dẫn đến số thuế phải nộp ngân sách nhà nước còn thiếu 16.336.000 đồng ($12.283\text{m}^3 \times 19.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 7\%$)

- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung năm 2019 đã kê khai thiếu khối lượng đất tiêu thụ cho Công trình Xây dựng trực cảnh quan Khu dân cư và dịch vụ Thi Phổ là 6.928m^3 , dẫn đến khai thiếu thuế tài nguyên 23.762.000 đồng ($6.928\text{m}^3 \times 49.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 7\%$).

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung đã kê khai thiếu khối lượng cát khai thác để tính thuế tài nguyên so với thực tế khối lượng cát tại bãi trữ cát ở Khu Công nghiệp Tịnh Phong là $1.063,66\text{m}^3$ dẫn đến khai thiếu thuế tài nguyên phải nộp với số tiền 39.089.500 đồng ($1.063,66\text{m}^3 \times 245.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 15\%$) theo đơn giá mà chính doanh nghiệp này đã kê khai thuế năm 2019.

Việc kê khai không đúng của 03 doanh nghiệp nêu trên là hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

3.2. Về phí bảo vệ môi trường:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung năm 2019 đã kê khai thiếu khối lượng đất tiêu thụ của Công trình Xây dựng trực cảnh quan Khu dân cư và dịch vụ Thi Phổ là 6.928m^3 , dẫn đến khai thiếu 11.431.000 đồng phí bảo vệ môi trường ($6.928\text{m}^3 \times 1.650 \text{ đồng}/\text{m}^3$).

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung do kê khai thiếu sản lượng khai thác $1.063,66\text{m}^3$ dẫn đến kê khai phí bảo

vệ môi trường còn thiếu 4.680.100 đồng ($1.063,66\text{m}^3 \times 4.400 \text{ đồng/m}^3$), là hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 về hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

3.3. Về việc xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành các quyết định về xác định đơn giá cát làm vật liệu xây dựng và việc xác định ghi tên loại khoáng sản này trong giấy phép khai thác để tính thuế tài nguyên:

Từ năm 2015 trở về trước, căn cứ theo Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị định 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 về bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Theo đó đối với cát có 03 loại: cát khai thác để san lấp (đơn giá tính thuế 20.000 đồng/m³), cát xây dựng (đơn giá tính thuế 40.000 đồng/m³), cát nhiễm mặn (đơn giá tính thuế 20.000 đồng/m³).

Đến ngày 01/10/2015, Bộ trưởng Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên, trong đó có quy định bảng giá tính thuế tài nguyên của tỉnh phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Tuy nhiên sau đó Bộ Tài chính không ban hành khung giá tính thuế. Thực hiện Thông tư số 152/2015/TT-BTC, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 64a/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 về bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh, trong đó đối với cát vẫn tiếp tục quy định có 03 loại: cát khai thác để san lấp (giá tính thuế 30.000 đồng/m³), cát xây dựng (giá tính thuế 60.000 đồng/m³), cát nhiễm mặn (giá tính thuế 30.000 đồng/m³).

Mãi đến ngày 12/5/2017 Bộ trưởng Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 44/2017/TT-BTC quy định về khung giá tính thuế tài nguyên, theo đó đối với cát làm vật liệu xây dựng được phân thành 03 nhóm với mức giá tính thuế như sau: (nhóm 1) cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn, giá tối thiểu 56.000đồng/m³, giá tối đa 80.000 đồng/m³; (nhóm 2) cát xây dựng, được chia tiếp thành 02 phân nhóm: cát đen dùng trong xây dựng (giá tối thiểu 70.000 đồng/m³, giá tối đa 100.000 đồng/m³), cát vàng dùng trong xây dựng (giá tối thiểu 245.000 đồng/m³, giá tối đa 350.000 đồng/m³); (nhóm 3) cát vàng sản xuất công nghiệp (khoáng sản khai thác) giá tối thiểu 105.000 đồng/m³, giá tối đa 150.000 đồng/m³. Thông tư này cũng quy định Bảng giá tính thuế do UBND cấp tỉnh ban hành không được thấp hơn giá tối thiểu trong Khung giá của Thông tư; đối với loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế của Thông tư thì căn cứ giá giao dịch phổ biến hoặc giá bán tài nguyên đó trên thị trường mà UBND tỉnh ban hành văn bản quy định bổ sung Bảng giá tính thuế.

Thực hiện Thông tư 44/2017/TT-BTC, Sở Tài chính đã chủ trì xây dựng dự thảo quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh dựa trên giá tối thiểu của Khung giá theo Thông tư, nhưng khi lấy ý kiến thì các cơ quan liên

quan đề nghị xem xét lại mức giá tính thuế đối với cát vàng dùng trong xây dựng vì quá cao so với giá giao dịch mua bán trên thị trường tại thời điểm đó và cao hơn nhiều lần so với giá đang áp dụng theo Quyết định 64a/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh 02 lần có văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính³² về bất cập của mức giá tối thiểu của cát vàng dùng trong xây dựng theo Khung giá với thực tiễn thị trường nhưng Bộ không có phúc đáp nên Sở Tài chính đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh, trong đó quy định đối với cát làm vật liệu xây dựng bao gồm 04 nhóm³³ mà không có loại tài nguyên **cát vàng dùng trong xây dựng** theo Khung giá của Thông tư số 44/2017/TT-BTC, với lý do: sau khi Bộ Tài chính có ý kiến thì Sở Tài chính sẽ tham mưu trình UBND tỉnh ban hành bổ sung.

Đến năm 2019, Sở Tài chính đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 mới bổ sung loại tài nguyên **cát vàng dùng trong xây dựng** vào Bảng giá tính thuế với đơn giá 245.000 đồng/m³ (bằng với mức giá tối thiểu của Khung giá theo Thông tư 44/2017/TT-BTC) dù lúc này Bộ Tài chính vẫn chưa có phúc đáp hướng dẫn cho tỉnh về khoáng sản “cát vàng dùng trong xây dựng” theo đề nghị của tỉnh trước đó.

Từ khi Quyết định 07/2018/QĐ-UBND có hiệu lực (ngày 10/3/2018) đến khi Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh có hiệu lực (16/6/2019), các doanh nghiệp khai thác cát dùng làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cấp phép trong giai đoạn này (hoặc theo Giấy phép đã cấp trước đó vẫn còn hiệu lực trong giai đoạn này) đều ghi loại khoáng sản là “*cho phép Công ty thuê đất trả tiền hàng năm và khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên*” là không chặt chẽ, không nêu rõ loại cát nào được quy định cụ thể trong Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh để làm cơ sở, căn cứ xác định thuế tài nguyên, nên các doanh nghiệp khai thác trong giai đoạn này lúng túng, kê khai thiếu nhất quán về đơn giá cát để tính thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường. Khi chưa có Quyết định 07/2018/QĐ-UBND, Cục Thuế tỉnh căn cứ loại cát xây dựng theo Bảng giá ban hành kèm Quyết định số 64a/2016/QĐ-UBND đơn giá tính thuế 60.000 đồng/m³ để xác định và hướng dẫn các doanh nghiệp kê khai, không phát sinh vướng mắc. Sau khi có Quyết định 07/2018/QĐ-UBND, do không rõ loại khoáng sản theo các giấy phép khai thác đã cấp đang có hiệu lực trong giai đoạn này nên Cục Thuế tỉnh đã tham vấn và được Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tại Công văn số 5166/STNMT-KS ngày 10/7/2019 với nội dung: “*khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường*” theo các giấy phép đã cấp là loại “*cát vàng trong sản xuất công nghiệp (khoáng sản khai thác)*” trong Bảng giá tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND với đơn giá tính thuế là

³² Công văn số 6569/UBND-KT ngày 25/10/2017 và Công văn số 1016/UBND-KT ngày 27/02/2018

³³ Gồm: (1) Cát san lấp, đơn giá tính thuế 68.000 đồng/m³; (2) Cát nhiễm mặn, đơn giá tính thuế 56.000 đồng/m³; (3) Cát đen dùng trong xây dựng, đơn giá tính thuế 70.000 đồng/m³; (4) Cát vàng sản xuất công nghiệp (khoáng sản khai thác), đơn giá tính thuế 130.000 đồng/m³.

130.000 đồng/m³. Tuy nhiên, sau đó vẫn có vướng mắc vì thực tế loại cát này trên địa bàn tỉnh khai thác để sử dụng làm vật liệu xây dựng, và trên địa bàn tỉnh từ trước đến nay không xuất hiện loại tài nguyên mới nào trong nhóm cát làm vật liệu xây dựng thông thường.

Đến ngày 23/12/2019, Sở Tài chính có Công văn số 3112/STC-QLGCS trình đề nghị và được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 7024/UBND-KT ngày 30/12/2019 thống nhất áp dụng mức giá tính thuế tài nguyên đối với cát vàng dùng trong xây dựng theo giá tối thiểu được quy định tại Khung giá ban hành kèm theo Thông tư 44/2017/TT-BTC là 245.000 đồng/m³ để tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh trong thời gian từ ngày 10/3/2018 đến ngày 16/6/2019.

Trên cơ sở kiến nghị của Sở Tài chính, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn 7024/UBND-KT, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các quyết định điều chỉnh nội dung trong các Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó³⁴ thành “*khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (là cát vàng dùng trong xây dựng – mã II 50202) bằng phương pháp lộ thiên*” cho phù hợp với đơn giá tính thuế trong Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh.

Đến ngày 31/3/2021, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Thông báo số 121/TB-UBND yêu cầu các sở, ngành địa phương thực hiện nghiêm Công văn số 7024/UBND-KT ngày 30/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, giao Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin cho Cục Thuế tỉnh về mã loại tài nguyên trong Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp để Cục Thuế tỉnh có cơ sở thu và truy thu thuế theo đúng quy định.

Như vậy qua thanh tra cho thấy Sở Tài chính có chậm trễ và chưa thật sự chặt chẽ trong tham mưu, còn để sót loại tài nguyên khi trình UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh tại Quyết định 07/2018/QĐ-UBND sau khi Thông tư 44/2017/TT-BTC có hiệu lực; Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cấp Giấy phép khai thác³⁵ không đúng loại khoáng sản ghi trong Quyết định 07/2018/QĐ-UBND, hướng dẫn Cục Thuế xác định loại khoáng sản để làm căn cứ thu thuế không phù hợp quy định (trong thời gian từ ngày 10/3/2018 đến ngày 16/6/2019)

4. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Sở Tài nguyên và Môi trường và 02 đơn vị trực thuộc:

³⁴ Trong đó có 03 Quyết định tại 03 mỏ được thanh tra trực tiếp gồm: Quyết định số 1065/QĐ-UBND, Quyết định số 1068/QĐ-UBND và Quyết định số 1069/QĐ-UBND cùng ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh một số nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 10/GP-UBND ngày 06/3/2019 cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Lũng Lô 251, giấy phép số 47/GP-UBND ngày 09/7/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung và Giấy phép số 18/GP-UBND ngày 15/3/2018 cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Phú Gia Thịnh

³⁵ cho 03 doanh nghiệp, gồm; Công ty TNHH MTV Xây dựng Phú Gia Thịnh, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung, Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Lũng Lô 251 trong năm 2018

- Sở chưa thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh (tham mưu ban hành quy định chi tiết về trình tự thủ tục thu hồi đất và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất theo Điều 64, Điều 65 Luật đất đai năm 2013); chưa có văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thành phố *thực hiện đúng các trình tự, thủ tục cấp đất, giao đất và quản lý đất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật* và chậm thực hiện tham mưu tổng kết Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 11/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Từ năm 2019 đến thời điểm thanh tra, Sở chưa tổ chức thanh tra, kiểm tra về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các đơn vị trực thuộc; chưa hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc nằm ngoài trụ sở của Sở thực hiện Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh.

- Công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở đã được tổ chức thực hiện cơ bản đảm bảo quy định, tỷ lệ tham mưu và giải quyết hàng năm đều đạt trên 85%, tạ thời điểm thanh tra không có tồn đọng. Tuy nhiên, trong 03 kỳ tiếp dân định kỳ trong năm 2019, chỉ có 02 kỳ công dân có đăng ký nhưng Giám đốc Sở không tiếp mà ủy quyền cho Phó Giám đốc tiếp là chưa đảm bảo; trong xử lý đơn còn có một số đơn để chậm xử lý so với thời hạn quy định; còn có vụ việc để trễ hạn trong thẩm tra, xác minh. Công tác tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, tranh chấp, các kết luận và quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật đã được quan tâm nhưng còn thiếu kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở để đi đến kết thúc theo dõi vụ việc theo quy định.

- Công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Chi cục Bảo vệ môi trường và Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh đã được Thủ trưởng các cơ quan này quan tâm thực hiện. Tuy nhiên vẫn còn chưa bố trí địa điểm tiếp công dân theo đúng quy định tại Điều 19 Luật Tiếp công dân và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân (đến nay đã khắc phục); chưa công khai các thông tin đúng theo quy định tại Điều 24 Luật Tiếp công dân (đến nay đã khắc phục); việc tiếp công dân và xử lý đơn thư còn chưa được ghi chép, cập nhật đầy đủ, kịp thời; không ban hành lịch tiếp công dân định kỳ, chưa có nội quy, quy chế tiếp công dân niêm yết tại đơn vị; không có quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho công chức, viên chức tiếp công dân thường xuyên và chưa giải quyết chế độ bồi dưỡng cho những người làm nhiệm vụ này theo quy định. Việc xử lý đơn và giải quyết một số vụ việc thuộc thẩm quyền còn để trễ hạn theo quy định³⁶.

III. NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM

³⁶ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh có 01 vụ tố cáo và 02 vụ khiếu nại giải quyết chậm; có 02 đơn kiến nghị, phản ánh xử lý còn chậm.

1. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Quy định của pháp luật về về khoáng sản thay đổi, bổ sung; văn bản cụ thể hóa hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản năm 2010 chậm ban hành, thiếu đồng bộ, còn bất cập.

- Khoáng sản được khai thác là khoáng sản thông thường, phân bố phân tán trên diện rộng, nhỏ lẻ, thời gian hoạt động ngắn hạn nên khó khăn trong việc quản lý, bảo vệ khoáng sản nhưng vẫn áp dụng chung cùng cơ chế với khoáng sản khai thác có quy mô lớn.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản dùng làm vật liệu thông thường còn bất cập, chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn, còn thiếu các biện pháp hiệu quả, sát thực tiễn để quản lý chặt chẽ, kịp thời phát hiện các dấu hiệu vi phạm để xử lý chấn chỉnh; nhận thức chính sách pháp luật có liên quan của công chức tham mưu còn hạn chế, công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn có liên quan thuộc Sở chưa chặt chẽ, đồng bộ. Công tác phối hợp giữa cơ quan tham mưu cấp phép với chính quyền địa phương nơi có mỏ khoáng sản còn hạn chế, chính quyền địa phương nơi có mỏ chưa nhận thức đầy đủ được trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn do cấp trên cấp phép.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của Sở còn chưa được thường xuyên và kịp thời để nhắc nhở, đôn đốc, chấn chỉnh và xử lý các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản nhưng có vi phạm quy định pháp luật về khoáng sản.

- Ý thức chấp hành pháp luật của một số đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản chưa tốt, thực hiện chưa hết trách nhiệm và nghĩa vụ theo Luật khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp phép khai thác.

2. Về trách nhiệm:

- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách lĩnh vực được thanh tra; Kế toán Sở, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng Phòng Khoáng sản và Trưởng Phòng Quản lý đất đai và công chức tham mưu của các phòng này thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trong giai đoạn thanh tra chịu trách nhiệm về các sai phạm, thiếu sót đã nêu trong kết luận thanh tra.

- Giám đốc Sở Tài chính Phó Giám đốc Sở phụ trách lĩnh vực quản lý giá và công sản, Trưởng phòng quản lý giá và công sản, công chức tham mưu có liên quan chịu trách nhiệm sai sót nêu trong phần Kết luận thanh tra về nội dung xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên

(Cụ thể có Phụ lục kèm theo).

IV. XỬ LÝ VÀ KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Các biện pháp đã xử lý qua thanh tra

Chánh Thanh tra tỉnh đã ban hành 03 Quyết định thu hồi tiền³⁷ do có sai phạm về kê khai thiếu thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường nộp ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 95.298.600 đồng. Đến nay cả 03 doanh nghiệp đã nộp đầy đủ vào tài khoản tạm giữ Thanh tra tỉnh.

2. Kiến nghị biện pháp xử lý khắc phục các tồn tại, sai phạm phát hiện qua thanh tra

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010; các quy định của pháp luật có liên quan; xét tính chất và mức độ sai phạm, Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị xử lý như sau:

2.1. Kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh để xem xét áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền và quy định pháp luật (nếu có) đối với các hành vi vi phạm trong khai thác khoáng sản của 05 doanh nghiệp được thanh tra (như đã nêu tại phần kết luận thanh tra) nhưng đến nay đã hết thời hiệu xử phạt theo quy định.

- Chỉ đạo chấn chỉnh đối với các sai sót, vi phạm để rút kinh nghiệm, tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục tham vấn ý kiến các Bộ, ngành có liên quan để sớm tháo gỡ vướng mắc, làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch đấu giá đất đồi làm vật liệu san lấp theo đúng quy định pháp luật khoáng sản và Luật Đất đai. Trước mắt cần chỉ đạo làm tốt công tác khảo sát khi trình phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch khai thác khoáng sản là đất đồi làm vật liệu san lấp cần ưu tiên đưa vào phê duyệt đấu giá tại những vị trí mỏ mà diện tích đất đang thuộc quỹ đất UBND cấp xã quản lý có thể thu hồi ngay để cho doanh nghiệp trúng đấu giá khai thác khoáng sản thuê mà không phải tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng. Chỉ đạo, phối hợp giải quyết và hướng dẫn chính quyền địa phương nơi có mỏ để giải quyết, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thủ tục đất đai sau khi đóng cửa các mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp, tránh để tạo cơ sở xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

- Phối hợp với Cục Thuế tỉnh thực hiện nghiêm việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thực hiện nộp vào ngân sách Nhà nước kịp thời, đúng thời gian theo quy định của Luật Khoáng sản. Chủ động phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khoáng sản, đất đai và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở về công tác tiếp công dân; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho các đơn vị này trong việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý đơn theo quy định của pháp luật.

³⁷ Các Quyết định số: 133, 134 và 135/QĐ-TTT cùng ngày 20/7/2020 lần lượt tại Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp An Lộc Phát, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên khoáng sản, đất đai, môi trường đến các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục việc nghiệm thu đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định pháp luật và tổ chức thực hiện nghiêm Công văn số 5595/UBND-NNTN ngày 14/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện công tác ký quỹ, cải tạo môi trường đối với các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tiến hành kiểm tra, thanh tra để xem xét xử lý đối với các doanh nghiệp có vi phạm (gồm 14 doanh nghiệp sau 6 tháng vẫn chưa nộp đề án đóng cửa mỏ; 8 doanh nghiệp nộp đề án đóng cửa mỏ chậm sau 6 tháng và 04 danh nghiệp bị thu hồi giấy phép do khai thác hết trữ lượng và vượt công suất theo quy định pháp luật).

2.2 Kiến nghị Cục trưởng Cục Thuế tỉnh: Trên cơ sở hồ sơ kết quả thanh tra trực tiếp tại các doanh nghiệp có kê khai khối lượng khai thác khoáng sản cát vàng dùng trong xây dựng (gồm: Biên bản thanh tra và Biên bản kiểm tra hiện trường, bản giải trình của các doanh nghiệp), đề nghị Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tính toán xác định để thu và truy thu các loại thuế, phí có liên quan, đồng thời xử lý vi phạm hành chính (nếu có) đối với các hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định pháp luật và ý kiến kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 7024/UBND-KT ngày 30/12/2019 và Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/3/2021.

3. Về xem xét xử lý trách nhiệm:

3.1. Đề nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo xây dựng báo cáo kiểm điểm các hạn chế, khuyết điểm; tổ chức họp để kiểm điểm đối với các sai sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quyết định các công việc cụ thể có sai sót, vi phạm thuộc trách nhiệm của Giám đốc sở và các Phó Giám đốc sở (qua các thời kỳ) về các nội dung được thanh tra gắn liền với việc đề ra từng giải pháp, lộ trình khắc phục những hạn chế, vi phạm. Kết luận thanh tra đã chỉ ra. Trường hợp qua kiểm điểm trách nhiệm mà có đề xuất hình thức xử lý kỷ luật đối với cá nhân lãnh đạo sở hoặc nguyên lãnh đạo sở thì phải gửi hồ sơ kiểm điểm (gồm báo cáo kiểm điểm của tập thể lãnh đạo sở, bản kiểm điểm cá nhân các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo sở có liên quan, biên bản cuộc họp) về Sở Nội vụ để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét xử lý theo thẩm quyền.

- Căn cứ vào Phụ lục kèm theo Kết luận, chỉ đạo việc kiểm điểm làm rõ trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức có liên quan về những vi phạm đã nêu trong Kết luận thanh tra để xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý nghiêm trách nhiệm của các cá nhân có vi phạm theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3.2 Đề nghị Giám đốc Sở Tài chính

- Chỉ đạo xây dựng báo cáo kiểm điểm các hạn chế, khuyết điểm; tổ chức họp để kiểm điểm đối với các sai sót trong công tác chỉ đạo, điều hành và quyết định các công việc cụ thể có sai sót, vi phạm thuộc trách nhiệm của Giám đốc sở và

các Phó Giám đốc sở (qua các thời kỳ) về các nội dung hạn chế, vi phạm Kết luận thanh tra đã chỉ ra. Trường hợp qua kiểm điểm trách nhiệm mà có đề xuất hình thức xử lý kỷ luật đối với cá nhân lãnh đạo sở hoặc nguyên lãnh đạo sở thì phải gửi hồ sơ kiểm điểm (gồm báo cáo kiểm điểm của tập thể lãnh đạo sở, bản kiểm điểm cá nhân các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo sở có liên quan, biên bản cuộc họp) về Sở Nội vụ để tham mưu UBND tỉnh xem xét xử lý theo thẩm quyền.

- Căn cứ vào Phụ lục kèm theo Kết luận, chỉ đạo việc kiểm điểm làm rõ trách nhiệm công chức có liên quan về những vi phạm đã nêu trong Kết luận thanh tra để xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý cá nhân có vi phạm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3.3 Đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ:

Chỉ đạo tiếp nhận hồ sơ kiểm điểm của tập thể lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và xem xét tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền và quy định pháp luật nếu qua kiểm điểm trách nhiệm các Sở này có đề xuất hình thức xử lý kỷ luật đối với cá nhân là lãnh đạo, nguyên lãnh đạo sở.

4. Đề nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra này; tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại Sở trong 15 ngày liên tục và sao gửi cho Thủ trưởng các đơn vị được thanh tra theo quy định tại Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ.

Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận này phải báo cáo kết quả thực hiện (*kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh*) cho Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo theo quy định.

5. Căn cứ Điều 8 và Điều 40 Luật Thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định.

Kết luận thanh tra này gồm 19 trang và 01 Phụ lục kèm theo. Phụ lục này là bộ phận không tách rời của Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục 2 - Thanh tra Chính phủ;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Công an tỉnh, Nội vụ; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Cục Thuế tỉnh;
- 05 Doanh nghiệp được thanh tra;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- VP và các Phòng NV;
- Lưu: VT, Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Trà Thanh Danh